

Số: **2409** /TB-SGD&ĐT

Hoà Bình, ngày **04** tháng 12 năm 2017

THÔNG BÁO
Của Hội đồng xét tuyển dụng viên chức khối trực thuộc
Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hòa Bình

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Công văn số 1920/SNV- CCVC ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Sở Nội vụ tỉnh Hòa Bình về việc thẩm định Đề án xét tuyển viên chức của Sở Giáo dục và Đào tạo; Công văn số 2108/SNV-TCBC&TCPCP ngày 07 tháng 9 năm 2017 của Sở Nội vụ tỉnh Hòa Bình về việc điều chỉnh cơ cấu chuyên môn thực hiện kế hoạch biên chế viên chức năm 2017 của Sở Giáo dục và Đào tạo;

Thực hiện Quyết định số 2486/QĐ-SGD&ĐT; ngày 21 tháng 8 năm 2017 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2017; Quyết định số 2850/QĐ-SGD&ĐT; ngày 22 tháng 11 năm 2017 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch viên chức.

Hội đồng tuyển dụng viên chức Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hoà Bình thông báo Danh sách kết quả điểm kiểm tra, sát hạch thông qua phỏng vấn ngày 25 tháng 11 năm 2017 và tổng điểm xét tuyển dụng viên chức đến toàn thể các thí sinh dự tuyển (*Kết quả chi tiết có danh sách kèm theo*)./r21

Nơi nhận:

- Website Sở GD&ĐT;
- Sở Nội vụ;
- Lưu VT, TCCB (TH05)

HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Bùi Trọng Đắc

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2017

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2017

Phòng số: 01

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	D.UT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chủ	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
1	0001	Trần Thị Lan Anh	07/11/1992	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	TB	GV TOAN-LuongS	x	6.37		45	217.40	
2	0002	Trần Thị Dung	01/09/1990	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-LuongS	x	7.27		47	239.40	
3	0003	Đào Thị Hằng	03/03/1995	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Toán học	Giỏi	GV TOAN-LuongS	x	7.99		53	265.80	
4	0004	Bùi Thị Hè	30/09/1994	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Toán học	Giỏi	GV TOAN-LuongS	x	8.19		15	193.80	
5	0005	Nguyễn Thị Thanh Huyền	22/04/1994	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Giỏi	GV TOAN-LuongS	x	7.96		35	229.20	
6	0006	Đỗ Thị Hương	11/09/1992	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán	Giỏi	GV TOAN-LuongS	x	7.92		40	238.40	
7	0007	Đinh Thị Thủy Linh	27/08/1993	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán - Lý	Giỏi	GV TOAN-LuongS	x	8.46		45	259.20	
8	0008	Ngô Thị Quyên	10/02/1992	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán - Lý	Khá	GV TOAN-LuongS	x	7.53				Bỏ thi
9	0009	Ngô Vương Quyên	08/08/1994	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán	Khá	GV TOAN-LuongS	x	7.42				Bỏ thi
10	0010	Nguyễn Minh Thoa	27/04/1995	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-LuongS	x	7.14		85	312.80	
11	0011	Bùi Ngọc Thủy	27/05/1993	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Toán - Lý	Khá	GV TOAN-LuongS	x	6.96		20	179.20	
12	0012	Bùi Thị Trang	22/06/1992	Nữ	Kinh		ĐH	Toán - Tin ứng dụng	Khá	GV TOAN-LuongS	x	6.74				Bỏ thi
13	0013	Phí Thị Ngọc Hà	09/11/1988	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	TBK	GV VAN-LuongSo		6.76	6.50	93	318.60	
14	0014	Nguyễn Thủy Hằng	25/05/1988	Nữ	Kinh		Th.S	Ngữ văn		GV VAN-LuongSo		8.01	9.50	50	275.10	
15	0015	Bùi Mỹ Linh	04/11/1994	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-LuongSo	x	7.00		33	206.00	
16	0016	Đỗ Quỳnh Nga	19/09/1993	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	GV VAN-LuongSo	x	8.34		75	316.80	
17	0017	Triệu Thị Thúy Quỳnh	23/02/1994	Nữ	Nùng	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-LuongSo	x	7.33		35	216.60	
18	0018	Bùi Thị Tăng	06/02/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	TB	GV VAN-LuongSo	x	6.57				Bỏ thi
19	0019	Bùi Thị Thi	26/02/1988	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Văn - GD	Khá	GV VAN-LuongSo		7.27	8.50	40	237.70	
20	0020	Phạm Thị Tình	20/06/1990	Nữ	Kinh		Th.S	Văn học		GV VAN-LuongSo	x	8.05				Bỏ thi
21	0021	Nguyễn Ngọc Trâm	28/12/1992	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-LuongSo	x	7.21		30	204.20	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH

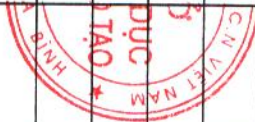
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2017

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2017

Phòng số: 01

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	D.UT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chủ	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
22	0022	Nguyễn Hải Yến	23/08/1992	Nữ	Mường	DT	DH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-LuongSo	x	7.62		65	282.40	
23	0023	Hoàng Thị Hào	20/12/1989	Nữ	Mường	DT	DH	Giáo dục TC - GDQ	Khá	GV TDQP-NamLg		7.11	7.70	50	248.10	
24	0024	Nguyễn Thị Huệ	22/11/1995	Nữ	Kinh		DH	Sư phạm Ngữ Văn	Khá	GV VAN-CuChinh	x	7.49		45	239.80	
25	0025	Bùi Thu Hương	17/03/1994	Nữ	Mường	DT	DH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-CuChinh	x	6.89				Bỏ thi
26	0026	Bùi Thị Thuý Linh	24/10/1994	Nữ	Mường	DT	DH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-CuChinh	x	7.35		45	237.00	
27	0027	Bùi Văn Niên	06/10/1992	Nam	Mường	DT	DH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-CuChinh	x	7.47				Bỏ thi
28	0028	Đặng Thu Phương	30/12/1994	Nữ	Kinh		DH	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	GV VAN-CuChinh	x	7.83		50	256.60	
29	0029	Vũ Thị Thu Thủy	06/12/1994	Nữ	Kinh		DH	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	GV VAN-CuChinh	x	7.93		85	328.60	
30	0030	Đinh Thị Huyền Trang	18/07/1992	Nữ	Mường	DT	DH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-CuChinh	x	7.67		58	269.40	
31	0031	Nguyễn Thị Cẩm Tú	27/10/1993	Nữ	Kinh		DH	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	GV VAN-CuChinh	x	7.84		45	246.80	
32	0032	Phạm Kim Tuyên	21/01/1986	Nữ	Kinh		DH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-CuChinh		7.33	8.00	45	243.30	
33	0033	Nguyễn Thị Xuyến	27/07/1994	Nữ	Mường	DT	DH	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	GV VAN-CuChinh	x	8.06		35	231.20	

Ghi chú: Các cột N.Sinh (Năm sinh), GT (Giới tính), D.Tộc (Dân tộc), D.UT (Diện ưu tiên), LNT (Loại tốt nghiệp), T.Chí (Học theo tin chí), ĐHT (Điểm học tập), ĐTN (Điểm tốt nghiệp), BT (Bỏ thi), ĐPV (Điểm phỏng vấn), Tổng (Tổng điểm xét tuyển)



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2017

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2017

Phòng số: 02

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	D.UT	T.Độ	Chuyên ngành	L.TN	Vị trí tuyển	T.chí	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
1	0034	Kim Thị Dung	28/03/1993	Nữ	Kinh		DH	Sư phạm Văn	Giỏi	GV VAN-MgChien	x	6.46				Bỏ thi
2	0035	Lê Thị Dung	01/01/1991	Nữ	Kinh		DH	Sư phạm Văn - GD	Khá	GV VAN-MgChien	x	7.66				Bỏ thi
3	0036	Nguyễn Hồng Hạnh	13/09/1988	Nữ	Mường	DT	DH	Sư phạm Ngữ văn	TBK	GV VAN-MgChien		6.92	7.50	50	244.20	
4	0037	Lê Thị Hiền	20/09/1987	Nữ	Kinh		DH	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	GV VAN-MgChien	x	8.01		40	240.20	
5	0038	Bùi Thị Thu	26/08/1988	Nữ	Mường	DT	DH	Ngữ văn	Khá	GV VAN-MgChien	x	6.94		75	288.80	
6	0039	Phạm Ngọc Vinh	20/10/1988	Nữ	Kinh		DH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-MgChien	x	7.14		38	218.80	
7	0040	Bùi Thị Hồng Chinh	01/05/1990	Nữ	Mường	DT	DH	Sư phạm Địa lý	TB	GV DIA-MgChien	x	6.86		66	269.20	
8	0041	Bùi Thị Hiếm	12/10/1994	Nữ	Mường	DT	DH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV DIA-MgChien	x	7.38		25	197.60	
9	0042	Lương Thanh Huyền	25/07/1991	Nữ	Tày	DT	DH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV DIA-MgChien	x	8.02		48	256.40	
10	0043	Nguyễn Thị Liên	01/03/1992	Nữ	Mường	DT	DH	Sư phạm Địa lý	Giỏi	GV DIA-MgChien	x	8.23		50	264.60	
11	0044	Bùi Hồng Ngọc	15/11/1993	Nữ	Kinh		DH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV DIA-MgChien	x	7.38		35	217.60	
12	0045	Bùi Văn Quảng	10/10/1987	Nam	Mường	DT	DH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV DIA-MgChien		7.54	8.50	62	284.40	
13	0046	Lê Thị Thu Trang	21/06/1988	Nữ	Mường	DT	DH	Sư phạm Địa lý	TBK	GV DIA-MgChien		6.32	6.50	80	288.20	
14	0047	Nguyễn Thị Trang	20/03/1995	Nữ	Kinh		DH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV DIA-MgChien	x	7.78		45	245.60	
15	0048	Đinh Hoàng Yến	09/04/1986	Nữ	Kinh		Th.S	Địa lý		GV DIA-MgChien	x	8.00	9.00	25	210.00	
16	0049	Bùi Thị Doan	06/04/1989	Nữ	Mường	DT	DH	Sư phạm Kỹ thuật	TBK	GV CONGNGHE-		6.42	6.00	50	224.20	
17	0050	Hà Văn Duy	13/02/1993	Nam	Tày	DT	DH	Sư phạm Toán học	TB	GV TOAN-YenHo	x	6.63		30	192.60	
18	0051	Đinh Thị Thu Hà	16/02/1995	Nữ	Mường	DT	DH	Sư phạm Toán học	TB	GV TOAN-YenHo	x	6.42		85	298.40	
19	0052	Bùi Thị Hòa	16/02/1989	Nữ	Mường	DT	DH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-YenHo		7.21	7.50	33	213.10	
20	0053	Bùi Thị Kim	04/06/1994	Nữ	Mường	DT	DH	Sư phạm Toán học	TB	GV TOAN-YenHo	x	6.87		38	213.40	
21	0054	Nguyễn Văn Niên	12/10/1993	Nam	Kinh		DH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-YenHo	x	7.02				Bỏ thi



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2017

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2017

Phòng số: 02

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	D.UT	T.Độ	Chuyên ngành	L.TN	Vị trí tuyển	T.chỉ	DHT	DTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
22	0055	Đỗ Thị Phương Thảo	08/03/1992	Nữ	Kinh		DH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOÁN-YênHo	x	7.35		28	203.00	
23	0056	Mai Thị Tuyết	27/10/1994	Nữ	Kinh		DH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOÁN-YênHo	x	7.64				Bỏ thí
24	0057	Nguyễn Hoàng Anh	20/02/1987	Nam	Kinh		DH	Sư phạm Địa lý	TBK	GV ĐỊA-YênHoa		6.29	6.00	77	276.90	
25	0058	Phạm Thị Thanh Hoa	12/09/1990	Nữ	Kinh		DH	Sư phạm Địa lý	TB	GV ĐỊA-YênHoa	x	6.96				Bỏ thí
26	0059	Bàn Văn Hồng	22/05/1985	Nam	Dao	DT	DH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐỊA-YênHoa		7.39	9.00	65	293.90	
27	0060	Bùi Thanh Loan	23/07/1989	Nữ	Kinh		DH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐỊA-YênHoa		6.97	7.50	82	308.70	
28	0061	Nguyễn Ngọc Quân	08/09/1995	Nam	Kinh		DH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐỊA-YênHoa	x	7.74		28	210.80	
29	0062	Nguyễn Thị Quỳnh	12/10/1987	Nữ	Kinh		DH	Sư phạm Địa lý	TBK	GV ĐỊA-YênHoa		6.25	6.50	75	277.50	
30	0063	Nguyễn Hoàng Thu	13/01/1990	Nữ	Kinh		DH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐỊA-YênHoa	x	7.00		48	236.00	
31	0064	Phùng Thị Thúy Trang	04/02/1990	Nữ	Kinh		DH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐỊA-YênHoa	x	7.71		33	220.20	
32	0065	Lương Thu Phương	10/06/1992	Nữ	Tây	DT	DH	Ngôn ngữ Anh	TBK	GV ANH-YênHoa	x	6.72		55	244.40	
33	0066	Lê Thị Tuyền	20/11/1984	Nữ	Kinh		DH	Tiếng Anh	Khá	GV ANH-YênHoa	x	6.87		50	237.40	

Ghi chú: Các cột N.Sinh (Năm sinh), GT (Giới tính), D.Tộc (Dân tộc), D.UT (Diện ưu tiên), LNT (Loại tốt nghiệp), T.Chi (Học theo tín chỉ), DHT (Điểm học tập), DTN (Điểm tốt nghiệp), BT (Bỏ thí), ĐPV (Điểm phỏng vấn), Tổng (Tổng điểm xét tuyển)



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2017

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2017

Phòng số: 03

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	D.UT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chỉ	DHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
1	0067	Vũ Nguyệt Anh	04/04/1994	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	GV ANH-CuChinh	x	7.44				Bỏ thi
2	0068	Đỗ Thị Thu Dung	10/02/1990	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm tiếng Anh	Khá	GV ANH-CuChinh	x	7.37		50	247.40	
3	0069	Bùi Thị Hương	04/04/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm tiếng Anh	Khá	GV ANH-CuChinh	x	7.84				Bỏ thi
4	0070	Trần Kim Thoa	14/12/1992	Nữ	Kinh		ĐH	Tiếng Anh	Giỏi	GV ANH-CuChinh	x	8.14		65	292.80	
5	0071	Bùi Thị Minh Thùy	03/10/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	GV ANH-CuChinh	x	7.18		85	313.60	
6	0072	Bùi Thị Chi	20/04/1994	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm tiếng Anh	Khá	GV ANH-MgChien	x	7.26		45	235.20	
7	0073	Hoàng Thanh Công	14/02/1987	Nam	Mường	DT	ĐH	Tiếng Anh	Khá	GV ANH-MgChien		7.35	7.00	30	203.50	
8	0074	Đinh Thị Quyên	01/03/1992	Nữ	Mường	DT	ĐH	Ngôn ngữ Anh	Khá	GV ANH-MgChien	x	7.09		40	221.80	
9	0075	Bùi Văn Trinh	07/09/1990	Nam	Mường		ĐH	Sư phạm tiếng Anh	Khá	GV ANH-MgChien	x	6.95		65	269.00	
10	0076	Lê Xuân Sắc	17/11/1995	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Tin học	Khá	GV TIN-YenHoa	x	7.22		55	254.40	
11	0077	Nguyễn Thị Văn Anh	01/08/1995	Nữ	Kinh		ĐH	SPKT Công nghiệp	Khá	GV CONGNHGE-	x	7.08		55	251.60	
12	0078	Phạm Hồng Huệ	27/04/1995	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán	XS	GV TOAN-Muong	x	8.49		35	239.80	
13	0079	Vũ Thị Nga	10/06/1989	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-Muong		7.64	10.00	40	256.40	
14	0080	Vũ Thị Hoàng Yến	08/06/1990	Nữ	Kinh		Th.S	Toán học		GV TOAN-Muong	x	7.96		75	309.20	
15	0081	Nguyễn Thị Phương	06/06/1994	Nữ	Kinh		ĐH	SPKT Công nghiệp	Giỏi	GV CONGNHGE-	x	8.04		55	270.80	
16	0082	Trần Thị Thúy Quỳnh	09/05/1994	Nữ	Kinh		ĐH	SPKT Công nghiệp	Khá	GV CONGNHGE-	x	6.93		45	228.60	
17	0083	Nguyễn Văn Chiến	12/08/1988	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Sinh học	Khá	GV SINH-LungVa		7.27	8.00	70	292.70	
18	0084	Chữ Thị Thanh Cúc	30/10/1993	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Sinh học	Giỏi	GV SINH-LungVa	x	8.35		50	267.00	
19	0085	Phạm Thị Dịu	15/10/1990	Nữ	Mường	DT	Th.S	Khoa học Giáo dục		GV SINH-LungVa		7.78	8.60	80	323.80	
20	0086	Vũ Thị Thanh Hương	12/03/1992	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sinh học	Khá	GV SINH-LungVa	x	7.54		65	280.80	
21	0087	Bùi Thủy Hương	14/09/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Sinh học	Khá	GV SINH-LungVa	x	7.39		40	227.80	



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2017

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2017

Phòng số: 03

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chỉ	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
22	0088	Nguyễn Phùng Thanh Mai	18/07/1995	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Sinh học	Giỏi	GV SINH-LungVa	x	7.97		0		Bỏ thí
23	0089	Bùi Thị Quế	27/12/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Sinh học	Khá	GV SINH-LungVa		7.35	9.90	45	262.50	
24	0090	Bùi Thị Soan	28/01/1994	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Sinh học	Khá	GV SINH-LungVa	x	7.07		50	241.40	
25	0091	Bùi Thị Thanh	20/05/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Sinh học	Giỏi	GV SINH-LungVa	x	8.13		60	282.60	
26	0092	Đặng Thu Thảo	30/04/1994	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Sinh học	Giỏi	GV SINH-LungVa	x	8.17		50	263.40	
27	0093	Hà Thị Trang	12/10/1992	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Sinh học	Khá	GV SINH-LungVa	x	7.65		40	233.00	
28	0094	Bùi Thị Duyên	18/06/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm tiếng Anh	Khá	GV ANH-LungVan	x	7.92		60	278.40	
29	0095	Đinh Thị Bắc	26/06/1984	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	TBK	GV VAN-MaiChau		6.32	7.50	45	228.20	
30	0096	Hà Thị Bích	27/12/1991	Nữ	Thái	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-MaiChau	x	7.45				Bỏ thí
31	0097	Bùi Thị Minh Huệ	22/12/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	TB	GV VAN-MaiChau	x	6.13		60	242.60	
32	0098	Quách Thị Nhân	27/09/1992	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-MaiChau	x	7.10				Bỏ thí
33	0099	Đinh Thị Trinh	21/08/1994	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	TB	GV VAN-MaiChau	x	6.36				Bỏ thí

Ghi chú: Các cột N.Sinh (Năm sinh), GT (Giới tính), D.Tộc (Dân tộc), DUT (Điện ưu tiên), LNT (Loại tốt nghiệp), T.Chỉ (Học theo tin chỉ), ĐHT (Điểm học tập), ĐTN (Điểm tốt nghiệp), ĐPV (Điểm phỏng vấn), Tổng (Tổng điểm xét tuyển)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2017

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2017

Phòng số: 04

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	D.UT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chỉ	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
1	0100	Nguyễn Thị Thủy Dương	21/09/1994	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Giỏi	GV TOAN-MaiChau	x	7.81				Bỏ thi
2	0101	Trần Trọng Đăng	13/08/1993	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	TBK	GV TOAN-MaiChau	x	6.80				Bỏ thi
3	0102	Phạm Ngọc Khang	04/03/1990	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	TB	GV TOAN-MaiChau	x	6.15		30	183.00	
4	0103	Hà Văn Linh	07/05/1990	Nam	Thái	DT	ĐH	Sư phạm Toán học	TB	GV TOAN-MaiChau	x	6.17		50	223.40	
5	0104	Vì Văn Mão	16/05/1993	Nam	Thái	DT	ĐH	Sư phạm Toán lý	Khá	GV TOAN-MaiChau	x	7.05		80	301.00	
6	0105	Hà Thị Nhung	07/04/1994	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-MaiChau	x	7.57		30	211.40	
7	0106	Huỳnh Tiến Quyết	18/10/1990	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	TBK	GV TOAN-MaiChau	x	6.81		80	296.20	
8	0107	Hà Văn Chung	05/11/1998	Nam	Mường	DT	Th.S	Khoa học Vật chất		GV LY-MaiChau B		7.56	9.90			Bỏ thi
9	0108	Bùi Thị Thu Cúc	02/05/1995	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Vật lý	Khá	GV LY-MaiChau B	x	7.15				Bỏ thi
10	0109	Bùi Thị Diệu	02/11/1992	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Vật lý	Khá	GV LY-MaiChau B	x	7.56		40	231.20	
11	0110	Nguyễn Tiến Dũng	22/01/1998	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Vật lý	TB	GV LY-MaiChau B	x	6.50				Bỏ thi
12	0111	Lưu Thị Thủy Hà	18/11/1994	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Vật lý	Khá	GV LY-MaiChau B	x	6.86		45	227.20	
13	0112	Bùi Huy Hoàng	27/11/1995	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Vật lý	TB	GV LY-MaiChau B	x	6.47				Bỏ thi
14	0113	Khà Thị Lan	25/02/1995	Nữ	Thái	DT	ĐH	Sư phạm Vật lý	Khá	GV LY-MaiChau B	x	7.12		45	232.40	
15	0114	Bạch Thị Mơ	20/12/1992	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Vật lý	TB	GV LY-MaiChau B	x	6.36				Bỏ thi
16	0115	Bùi Thủy Mỹ	01/10/1992	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Vật lý	Khá	GV LY-MaiChau B	x	7.54		70	290.80	
17	0116	Nguyễn Thị Ngân	03/04/1993	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Vật lý	Khá	GV LY-MaiChau B	x	7.06		40	221.20	
18	0117	Nguyễn Thị Bích Ngọc	10/12/1993	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Vật lý	Khá	GV LY-MaiChau B	x	7.50		35	220.00	
19	0118	Lê Thủy Hằng	26/11/1988	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-MaiChau		7.20	8.00	60	272.00	
20	0119	Bùi Thị Huy	05/12/1995	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-MaiChau	x	7.65		60	273.00	
21	0120	Bùi Thị Lan	03/10/1993	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-MaiChau	x	7.52		50	250.40	

SC
HỘI ĐỒNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH HÒA BÌNH

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2017

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2017

Phòng số: 04

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	D.UT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chỉ	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
22	0121	Bùi Thị Nguyệt	08/09/1994	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	GV VAN-MaiChau	x	8.06		40	241.20	
23	0122	Nguyễn Đức Anh	12/03/1988	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm tiếng Anh	TBK	GV ANH-DaiDong		6.46	7.00	75	284.60	
24	0123	Bùi Thị Hà	24/08/1992	Nữ	Mường	DT	ĐH	Ngôn ngữ Anh	Khá	GV ANH-DaiDong	x	7.38				Bỏ thí
25	0124	Bùi Thị Thanh Loan	22/04/1990	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm tiếng Anh	TB	GV ANH-DaiDong	x	6.35		65	257.00	
26	0125	Nguyễn Thị Thu Hương	30/08/1988	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Toán học	TBK	GV TOAN-BacSon		6.57	6.50			Bỏ thí
27	0126	Bùi Thị Nhân	30/10/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-BacSon	x	7.94		50	258.80	
28	0127	Nguyễn Thị Nhung	10/09/1992	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-BacSon	x	6.86		35	207.20	
29	0128	Nguyễn Thị Nụ	19/01/1994	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-BacSon	x	6.83		80	296.60	
30	0129	Bùi Thị Thu Phương	24/02/1993	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Toán học	TB	GV TOAN-BacSon	x	6.76				
31	0130	Khuyết Văn Quang	17/08/1988	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	TBK	GV TOAN-BacSon		6.34	7.50	40	218.40	
32	0131	Bùi Thị Quế	01/10/1992	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-BacSon	x	7.30		45	236.00	
33	0132	Bùi Thanh Thảo	06/12/1993	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-BacSon	x	7.47		85	319.40	
34	0133	Nguyễn Hoàng Long	17/05/1994	Nam	Kinh		ĐH	Y học thề dục thể th	Giỏi	GV GDTC-Chuyen		8.29	10.00	80	342.90	

Ghi chú: Các cột N.Sinh (Năm sinh), GT (Giới tính), D.Tộc (Dân tộc), D.UT (Diện ưu tiên), L.NT (Loại tốt nghiệp), T.Chỉ (Học theo tín chỉ), ĐHT (Điểm học tập), ĐTN (Điểm tốt nghiệp), ĐPV (Điểm phỏng vấn), Tổng (Tổng điểm xét tuyển)



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2017

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2017

Phòng số: 05

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	D.UT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chỉ	DHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
1	0134	Nguyễn Thị Lan Hương	07/03/1992	Nữ	Mường	DT	DH	Sư phạm Văn - GD	Khá	GV VAN-NTBDA	x	7.96		55	269.20	
2	0135	Nguyễn Thị Ánh	29/07/1994	Nữ	Kinh		DH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-NTNgoc	x	6.86		0		Bỏ thi
3	0136	Trần Thị Thùy Chinh	30/12/1990	Nữ	Kinh		DH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-NTNgoc	x	7.34		58	262.80	
4	0137	Nguyễn Thị Hà	04/06/1990	Nữ	Kinh		DH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-NTNgoc		7.73	10.00			Bỏ thi
5	0138	Nguyễn Thị Hằng	02/09/1988	Nữ	Kinh		DH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-NTNgoc		7.53	8.00			Bỏ thi
6	0139	Kiều Thị Hòa	04/05/1995	Nữ	Kinh		DH	Sư phạm Hóa học	Giỏi	GV HOA-NTNgoc	x	7.68		35	223.60	
7	0140	Vũ Thị Hương	19/02/1995	Nữ	Kinh		DH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-NTNgoc	x	7.09		36	213.80	
8	0141	Nguyễn Thị Thanh Nhân	04/08/1992	Nữ	Kinh		DH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-NTNgoc	x	7.34		28	202.80	
9	0142	Đỗ Thị Thanh Tâm	07/08/1994	Nữ	Kinh		DH	Sư phạm Hóa học	TB	GV HOA-NTNgoc	x	6.31		30	186.20	
10	0143	Nguyễn Thu Thảo	27/10/1992	Nữ	Kinh		DH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-NTNgoc	x	7.59		35	221.80	
11	0144	Trần Phương Thảo	17/09/1990	Nữ	Kinh		DH	Hóa học	Giỏi	GV HOA-NTNgoc	x	7.95		70	299.00	
12	0145	Bùi Thị Thắm	02/12/1991	Nữ	Mường	DT	DH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-NTNgoc	x	7.56		60	271.20	
13	0146	Phạm Thị Thor	10/09/1990	Nữ	Kinh		DH	Sư phạm Hóa học	Giỏi	GV HOA-NTNgoc	x	8.16		50	263.20	
14	0147	Nguyễn Thị Thu Huyền	27/08/1995	Nữ	Kinh		DH	Sư phạm Toán	Khá	GV TOAN-Quyett	x	7.34		43	232.80	
15	0148	Kiều Thị Lương	09/12/1995	Nữ	Kinh		DH	Sư phạm Toán học	Giỏi	GV TOAN-Quyett	x	8.18		83	329.60	
16	0149	Trần Thị Nguyệt	19/02/1991	Nữ	Mường	DT	DH	Sư phạm Toán học	TB	GV TOAN-Quyett	x	6.20				Bỏ thi
17	0150	Hà Huy Phát	16/07/1994	Nam	Kinh		DH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-Quyett	x	7.21		30	204.20	
18	0151	Kiều Thúy Quỳnh	26/09/1993	Nữ	Kinh		DH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-Quyett	x	7.46		75	299.20	
19	0152	Nguyễn Anh Sự	22/09/1995	Nam	Mường	DT	DH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-Quyett	x	7.43				Bỏ thi
20	0153	Nguyễn Chí Tâm	05/09/1993	Nam	Kinh		DH	Sư phạm Toán học	Giỏi	GV TOAN-Quyett	x	8.42		37	242.40	
21	0154	Hà Thị Vinh	28/02/1989	Nữ	Tây	DT	DH	Sư phạm Toán học	TB	GV TOAN-Quyett	x	6.63		80	292.60	



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÀ BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2017

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2017

Phòng số: 05

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	D.UT	T.Độ	Chuyên ngành	L.TN	Vị trí tuyển	T.chỉ	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
22	0155	Phạm Ngọc Diệp	13/04/1988	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	TB	GV VAN-QuyếtTh	x	6.64		33	198.80	
23	0156	Bùi Thị Hiền	02/04/1989	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-QuyếtTh	x	7.52		45	240.40	
24	0157	Bùi Thị Hương	14/09/1994	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	GV VAN-QuyếtTh	x	7.71		35	224.20	
25	0158	Bùi Thị Nga	23/07/1993	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	TB	GV VAN-QuyếtTh	x	6.49				Bỏ thí
26	0159	Bùi Thị Khánh Phương	30/07/1989	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	TB	GV VAN-QuyếtTh	x	6.79		80	295.80	
27	0160	Hoàng Thị Thuý	19/01/1987	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	TBK	GV VAN-QuyếtTh		6.60	6.75	63	259.50	
28	0161	Bùi Quỳnh Hương	19/06/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-CongH	x	6.96		70	279.20	
29	0162	Nguyễn Nhật Mai	24/10/1995	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-CongH	x	7.00		50	240.00	
30	0163	Đinh Thị Mai Linh	04/11/1990	Nữ	Mường	DT	Th.S	Sư phạm Sinh học		NV TBTN-Chuyen	x	7.53		63	276.60	
31	0164	Vũ Thị Thu Phương	30/08/1994	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Sinh học	Khá	NV TBTN-Chuyen	x	7.81		25	206.20	
32	0165	Bùi Tiến Quân	16/10/1991	Nam	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Sinh học	TB	NV TBTN-Chuyen	x	6.77		40	215.40	
33	0166	Đoàn Thị Thuý	06/11/1992	Nữ	Kinh		ĐH	Sinh học	Khá	NV TBTN-Chuyen	x	7.27		50	245.40	
34	0167	Mai Hải Yên	13/07/1989	Nữ	Tày	DT	ĐH	Sư phạm Sinh học	Giỏi	NV TBTN-Chuyen		8.12	9.40	21	247.20	

Ghi chú: Các cột N.Sinh (Năm sinh), GT (Giới tính), D.Tộc (Dân tộc), D.UT (Điện ưu tiên), L.NT (Loại tốt nghiệp), T.Chi (Học theo tín chỉ), ĐHT (Điểm học tập), ĐTN (Điểm tốt nghiệp), BT (Bỏ thí), ĐPV (Điểm phỏng vấn), Tổng (Tổng điểm xét tuyển)



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2017

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2017

Phòng số: 06

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	D.UT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chỉ	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
1	0168	Xa Thị Thanh Dung	07/03/1989	Nữ	Mường	DT	CD	Kế toán	TBK	NV KT-NTBDaBa		6.58	6.50	5	140.80	
2	0169	Đỗ Thị Huyền	26/04/1993	Nữ	Kinh		CD	Kế toán	Khá	NV KT-NTBDaBa	x	7.04		69	278.80	
3	0170	Nguyễn Thị Hương	24/11/1994	Nữ	Kinh		DH	Sư phạm Triết học	Giỏi	NV GV-NTDaBac	x	7.92				Bỏ thi
4	0171	Bùi Thị Lo Liên	22/08/1989	Nữ	Mường	DT	DH	Sư phạm Lịch sử	Giỏi	NV GV-NTDaBac		8.17	9.00	52	275.70	
5	0172	Bùi Thị Nhung	13/05/1992	Nữ	Mường	DT	DH	Sư phạm Sư - Địa	Khá	NV GV-NTDaBac	x	7.82		55	266.40	
6	0173	Bùi Mai Phương	06/12/1991	Nữ	Mường	DT	DH	Quản lý Giáo dục	Khá	NV GV-NTDaBac		7.00	6.00	40	210.00	
7	0174	Vũ Thị Ngọc Phương	02/03/1990	Nữ	Kinh		DH	Sư phạm Lịch sử	TB	NV GV-NTDaBac	x	6.13				Bỏ thi
8	0175	Đỗ Phạm Quỳnh Trang	03/10/1994	Nữ	Kinh		DH	Sư phạm Vật lý	Khá	NV GV-NTDaBac	x	6.97		62	263.40	
9	0176	Nguyễn Thị Thu Trang	07/04/1993	Nữ	Kinh		DH	Sư phạm Sinh học	Khá	NV GV-NTDaBac	x	7.40		80	308.00	
10	0177	Nguyễn Thị Trang	12/05/1986	Nữ	Kinh	DT	DH	Sư phạm Toán học	TBK	NV GV-NTDaBac		6.09	5.50	45	205.90	
11	0178	Nguyễn Lan Anh	26/11/1989	Nữ	Kinh		DH	Sư phạm Vật lý	TBK	NV GV-NTLuongS		6.13	7.00	60	251.30	
12	0179	Lê Thị Giang	19/03/1991	Nữ	Kinh		Th.S	Quản lý Giáo dục		NV GV-NTLuongS	x	7.59		55	261.80	
13	0180	Nguyễn Thị Bích Hằng	10/12/1990	Nữ	Kinh		DH	Sư phạm Sinh học	TB	NV GV-NTLuongS	x	6.41		70	268.20	
14	0181	Bùi Thị Hiền	10/02/1992	Nữ	Mường	DT	DH	Sư phạm Mỹ thuật	Khá	NV GV-NTLuongS		7.61	8.67	25	212.80	
15	0182	Nguyễn Mạnh Linh	14/08/1990	Nam	Kinh		DH	Sư phạm Lịch sử	Khá	NV GV-NTLuongS	x	7.41		70	288.20	
16	0183	Trần Thị Lương	08/08/1986	Nữ	San Chi	DT	DH	Sư phạm Sinh học	TBK	NV GV-NTLuongS		6.76	8.75			Bỏ thi
17	0184	Bùi Thị Thiên	15/09/1991	Nữ	Mường	DT	DH	Giáo dục Công dân	Giỏi	NV GV-NTLuongS	x	7.95		69	297.00	
18	0185	Trần Thị Thuong	15/09/1990	Nữ	Mường	DT	DH	Quản lý Giáo dục	Khá	NV GV-NTLuongS		7.53	8.00	35	225.30	
19	0186	Trần Phương Anh	20/08/1993	Nữ	Kinh		DH	Công nghệ thông tin	TB	KTV CNTT-NTCa	x	6.55		8	147.00	
20	0187	Bùi Thị Huệ	24/04/1985	Nữ	Mường		DH	Kế toán	TB	NV TQVT-NTLac	x	5.98		50	219.60	
21	0188	Nguyễn Thị Thu Trang	23/05/1981	Nữ	Kinh		THC	Hành chính văn phò	Khá	NV VTTQ-CuChin		6.60	8.00	45	236.00	



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2017

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2017

Phòng số: 06

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	L.TN	Vị trí tuyển	T.chỉ	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
22	0189	Nguyễn Thị Vân	20/10/1990	Nữ	Kinh		THC	Văn thư lưu trữ	Giỏi	NV VTTQ-CuChin		8.40	8.60	55	280.00	
23	0190	Lương Thị Vân Anh	22/08/1992	Nữ	Kinh		ĐH	Kế toán	Khá	NV KT-CuChinhLa	x	7.24		70	284.80	
24	0191	Lê Hoàng Minh	25/12/1998	Nam	Kinh		ĐH	Kế toán	Khá	NV KT-CuChinhLa		7.44	8.79	20	202.30	
25	0192	Nguyễn Thị Bích Ngọc	09/11/1993	Nữ	Mường	DT	ĐH	Kế toán	Khá	NV KT-CuChinhLa	x	7.02				Bỏ thí
26	0193	Nguyễn Thị Dục	25/09/1987	Nữ	Mường	DT	ĐH	Hành chính học	TBK	NV VTTQ-KySon		6.73	7.50	70	282.30	
27	0194	Đỗ Đức Giang	13/02/1993	Nam	Kinh		ĐH	Kế toán	Khá	NV KT-MaiChau		6.90	7.90	45	238.00	
28	0195	Bùi Thị Thu Hiền	04/02/1992	Nữ	Kinh		ĐH	Kế toán	TBK	NV KT-MaiChau		6.89	6.50	75	283.90	
29	0196	Phạm Thị Nga	07/03/1993	Nữ	Kinh		ĐH	Kế toán	TB	NV KT-MaiChau	x	5.78				Bỏ thí
30	0197	Lê Thị Thảo	20/08/1991	Nữ	Kinh		ĐH	Kế toán	Khá	NV KT-MaiChau	x	7.13		70	282.60	
31	0198	Lê Tuấn Tú	06/11/1976	Nam	Kinh		ĐH	Kế toán	Khá	NV KT-MaiChau	x	6.95		55	249.00	
32	0199	Nguyễn Ngọc Tuyên	13/07/1990	Nam	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Tin học	TB	KTV CNTT-Chuye	x	6.08		25	171.60	
33	0200	Nguyễn Thị Ngọc Anh	02/11/1993	Nữ	Mường	DT	ĐH	Giáo dục Mầm non	Khá	GV MN-CBSP	x	8.00		60	280.00	

Ghi chú: Các cột N.Sinh (Năm sinh), GT (Giới tính), D.Tộc (Dân tộc), DUT (Diện ưu tiên), LNT (Loại tốt nghiệp), T.Chỉ (Học theo tin chỉ), ĐHT (Điểm học tập), ĐTN (Điểm tốt nghiệp), BT (Bỏ thí), ĐPV (Điểm phỏng vấn), Tổng (Tổng điểm xét tuyển)

